

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 205/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Đại Từ, ngày 22 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 298/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Phạm Văn T, sinh năm 1965

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố S, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1974

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố S, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố M, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 80, 81 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị L trực tiếp nuôi con chung Phạm Khánh L sinh ngày 28/01/2014 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T cấp dưỡng cho chị L nuôi con 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không tranh chấp, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Không có

Về án phí: Anh T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước. Chuyển từ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ - BL số 0013497 ngày 11/9/2020.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN DUY KHÁNH

